

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/DS-ST
Ngày: 20/8/2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Cạn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Viết Tác.

2. Ông Triệu Văn Thiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Du - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm 1972 - Có mặt.

Trú tại: Tổ K, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1975 - Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Mai Thị T trong đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết bà Trần Thị L nên bà T tin tưởng đã hai lần cho bà L vay tiền với tổng số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Khi vay bà L nói với bà T vay để đáo hạn nợ. Cả hai lần vay có viết giấy vay tiền, không có tài sản thế chấp và số tiền lãi do hai bên thỏa thuận. Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 20/8/2018 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn trả ngày 30/12/2018.

- Ngày 13/10/2018 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 13/11/2018.

Ngày 17/12/2018 bà L đã trả bà T được số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Hiện nay bà L còn nợ bà T số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, bà T yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền còn nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi. Ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn bà Trần Thị L trong bản tự khai, trong quá trình tố tụng và trong đơn xin xét xử vắng mặt trình bày:

Sự việc đúng như bà T đã trình bày. Bà L đã vay bà T hai lần tổng số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng). Cả hai lần vay có viết giấy vay tiền, khi vay không có tài sản thế chấp, lãi do hai bên thỏa thuận. Các lần vay cụ thể như sau:

- Ngày 20/8/2018 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn trả ngày 30/12/2018.

- Ngày 13/10/2018 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 13/11/2018.

Ngày 17/12/2018 bà L đã trả bà T được số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Bà L thừa nhận hiện nay còn nợ bà T số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, bà L đồng ý trả cho bà L số tiền còn nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài ra, bà L không có ý kiến nào khác.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng hai bên đương sự không thống nhất được với nhau về phương thức trả nợ, việc hòa giải không thành, nên tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Ý kiến của bà Mai Thị T tại phiên tòa: Giữ nguyên yêu cầu đề nghị bà Trần Thị L trả lại số tiền còn nợ là: 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu bà L trả lãi. Ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến đối với vụ án: Việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nguyên đơn chấp hành đầy đủ, đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T yêu cầu bà Trần Thị L phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc là: 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tiền lãi bà Mai Thị T không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về căn cứ áp dụng pháp luật tố tụng : Đây là tranh hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa việc vắng mặt bị đơn bà Trần Thị L, nguyên đơn, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2]. Về căn cứ áp dụng pháp luật nội dung: Xác định là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Cụ thể bà Mai Thị T do có mối quan hệ quen biết bà Trần Thị L nên bà T đã tin tưởng hai lần cho bà L vay với tổng số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) mục đích bà L vay là để đáo hạn nợ. Cả hai lần vay có viết giấy vay tiền, hai bên ký và ghi rõ họ tên là hoàn toàn tự nguyện không bên nào ép buộc bên nào, khi vay không có tài sản thế chấp, còn lãi do hai bên thỏa thuận. Các lần vay như sau:

- Ngày 20/8/2018 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn trả ngày 30/12/2018.

- Ngày 13/10/2018 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 13/11/2018.

Đến ngày 17/12/2018 bà L đã trả bà T được số tiền là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Đến nay bà L còn nợ bà T số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, nay bà T yêu cầu bà L phải trả cho bà số tiền còn nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Bà T không yêu cầu bà L phải trả tiền lãi. Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

Bà Trần Thị L thừa nhận được vay bà T hai lần tổng số tiền là 350.000.000đ (ba trăm năm mươi triệu đồng) như bà T đã trình bày là đúng. Ngày 17/12/2018 bà L đã trả bà T được số tiền vay gốc là 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Hiện nay, bà L còn nợ bà T số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Vì vậy, bà L đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng bà L xin được trả dần cho bà T. Ngoài ra, bà L không có ý kiến nào khác.

[3] Về đánh giá căn cứ giá trị pháp lý của hợp đồng vay tiền:

- Ngày 20/8/2018 vay số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn trả

ngày 30/12/2018.

- Ngày 13/10/2018 vay số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), thời hạn trả ngày 13/11/2018.

Hai hợp đồng vay tiền nêu trên thấy có đầy đủ chữ ký ghi rõ họ tên của hai bên, khi vay hai bên tự nguyện thỏa thuận với nhau không có bên nào ép buộc bên nào được coi là hợp lệ.

[4]. Về án phí: Bà Trần Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các 463;466 Bộ luật dân sự.

1.Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ma Thị T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Trần Thị L.

Buộc bà Trần Thị L, sinh năm 1975, địa chỉ trú tại: Tổ A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn phải có trách nhiệm trả tổng số tiền nợ gốc đã vay là: 150.000.000,đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Mai Thị T, sinh năm 1972, địa chỉ trú tại: Tổ K, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Việc thi hành án đối với bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH16 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bà Trần Thị L phải chịu 7.500.000,đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Mai Thị T đã nộp là: 3.750.000,đ (Ba triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: 06182 ngày 14/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Duy Cạn